

THÔNG BÁO

Về mức học phí khóa 2022 bậc đại học chính quy chương trình chuẩn năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQG ngày 15/9/2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-XHNV-HĐT ngày 14/07/2022 của Hội đồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM về việc phê duyệt mức học phí bậc đại học, sau đại học năm học 2022-2023;

Căn cứ kế hoạch đăng ký học phần và đóng học phí đầu năm học 2022-2023 của Phòng Đào tạo và Phòng Kế hoạch Tài chính;

Căn cứ nguyện vọng của sinh viên được đóng học phí không quá mức học phí trường đã công bố, do số tín chỉ đăng ký học thực của sinh viên cao hơn số tín chỉ trung bình cần tích lũy hàng năm cho chương trình đào tạo 4 năm;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thông báo đến sinh viên khóa 2022 bậc đại học chính quy chương trình chuẩn về học phí năm học 2022-2023 như sau:

1. Đơn giá tín chỉ học tập

Stt	Ngành đào tạo	Đơn giá (đồng/tín chỉ)
1	Nhóm ngành Khoa học xã hội	
1.1	Nhóm 1: Triết học; Tôn giáo học; Lịch sử; Địa lý học; Thông tin - Thư viện; Lưu trữ học	430.000
1.2	Nhóm 2: Giáo dục học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Xã hội học; Nhân học; Đông phương học; Việt Nam học; Quản trị văn phòng; Công tác xã hội; Quản lý giáo dục; Tâm lý học giáo dục; Đô thị học; Quản lý thông tin.	590.000
1.3	Nhóm 3: Quan hệ quốc tế; Tâm lý học; Báo chí; Truyền thông đa phương tiện.	650.000
2	Nhóm ngành Ngôn ngữ; Du lịch	

2.1	Nhóm 1: Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Tây Ban Nha.	510.000
2.2	Nhóm 2: Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Đức	710.000
2.3	Nhóm 3: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	780.000

2. Căn cứ số tín chỉ học tập mà sinh viên đăng ký để tính ra tổng học phí phải nộp theo công thức:

$$\text{Tổng học phí} = \text{số tín chỉ học tập đăng ký} \times \text{đơn giá tín chỉ}$$

3. Phương thức xác định số học phí phải nộp trong năm học

- **Trường hợp 1:** Nếu tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký **nhỏ hơn hoặc bằng** mức học phí được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm thì sinh viên nộp theo tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký.

- **Trường hợp 2:** Nếu tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký **lớn hơn** mức học phí được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1 thì sinh viên thực hiện nộp học phí như sau:

- + Sinh viên nộp học phí phân theo nhóm ngành được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.
- + Phần chênh lệch học phí sẽ được chuyển sang năm học sau để tiếp tục thực hiện.

4. Học phí đợt 2 của năm học 2022-2023 được xác định như sau:

- Học phí tạm nộp đợt 1 (khi nhập học đầu năm): 10.000.000 đồng/sinh viên
- Học phí đợt 2 = Tổng học phí – 10.000.000 đồng

- **Trường hợp 3:** Nếu tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký **nhỏ hơn hoặc bằng** mức học phí phân theo nhóm ngành được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1 thì:
Học phí nộp đợt 2 = Tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký – 10.000.000 đ

- **Trường hợp 4:** Nếu tổng số học phí tính theo số tín chỉ học tập đăng ký **lớn hơn** mức học phí phân theo nhóm ngành được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm thì:

$$\text{Học phí nộp đợt 2} = \text{Mức học phí theo nhóm ngành tại Phụ lục 1} - 10.000.000 \text{ đồng}$$

5. Mức học phí trên không bao gồm các môn: Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất, những môn học mà sinh viên đăng ký học cải thiện, học lại và đăng ký học nhiều hơn so với số tín chỉ học tập trung bình năm của chương trình đào tạo.

6. Đối với các sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian 3,5 năm thì học phí của cả năm học cuối sẽ được thu một lần vào học kỳ I.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các khoa có đào tạo CLC;
- Lưu: HC-TH, KH-TC.





Phụ lục

MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022-2023 THEO ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

(Đính kèm theo Thông báo số 121/TB-XHNV-KHTC ngày 09/12/2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Ngành đào tạo	Mức học phí (đồng/năm)
1	Nhóm ngành Khoa học xã hội	
1.1	Nhóm 1: Triết học; Tôn giáo học; Lịch sử; Địa lý học; Thông tin - Thư viện; Lưu trữ học	13.000.000
1.2	Nhóm 2: Giáo dục học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Xã hội học; Nhân học; Đông phương học; Việt Nam học; Quản trị văn phòng; Công tác xã hội; Quản lý giáo dục; Tâm lý học giáo dục; Đô thị học; Quản lý thông tin.	18.000.000
1.3	Nhóm 3: Quan hệ quốc tế; Tâm lý học; Báo chí; Truyền thông đa phương tiện.	20.000.000
2	Nhóm ngành Ngôn ngữ; Du lịch	
2.1	Nhóm 1: Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Italia; Ngôn ngữ Tây Ban Nha.	15.600.000
2.2	Nhóm 2: Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Đức	21.600.000
2.3	Nhóm 3: Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.	24.000.000

Handwritten signature